

Bản án số: 121/2020/HS - PT.

Ngày: 20 - 9 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Thông.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 /9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 198/2020/TLPT-HS ngày 07/8/2020 đối với bị cáo Bùi Ngọc T cùng các đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Bùi Ngọc T, Phan Mạnh S, Hoàng Minh H2, Vi Văn N1 và Trần Văn P đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2020/HS-ST ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Ngọc T**, sinh năm 1981; Tên gọi khác: Không;

Hộ khẩu thường trú: Phường N, thị xã N, tỉnh K;

Chỗ ở hiện nay: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh B;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Bố đẻ: Bùi T1 (đã chết);

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1940;

Vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1988;

Con: có 03 con, lớn sinh năm 2001 nhỏ sinh năm 2014;

Anh, chị em: Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/5/2019 đến ngày 27/7/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Phan Mạnh S**, sinh năm 1995; Tên gọi khác: Không;

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã X, huyện S, thành phố H;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12 (Tại phiên tòa khai 9/12); Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Bố đẻ: Phan Văn T2, sinh năm 1979 (Tại phiên tòa khai 1974);

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974;

Vợ: Đào Thanh H, sinh năm 1995 (Tại phiên tòa khai Đào Thanh Hòa);

Con: có 02 con, lớn sinh năm 2005 nhỏ sinh năm 2009. (Tại phiên tòa khai lớn sinh 2015, nhỏ sinh 2017);

Anh, chị em: Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai (Tại phiên tòa khai có 3 anh chị em);

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 24/6/2019 đến ngày 27/6/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Hoàng Minh H2**, sinh năm 1990; Tên gọi khác: Không;

Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh B;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12 (Tại phiên tòa khai 10/12); Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không;

Bố đẻ: Hoàng Xuân S1, sinh năm 1953;

Mẹ đẻ: Phí Thị T2, sinh năm 1958 (Tại phiên tòa khai sinh năm 1957);

Vợ, con: Chưa có (Tại phiên tòa khai Vợ là Lê Thị Hiên, sinh năm 1992; Có 01 con sinh năm 2019);

Anh, chị em: Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ năm.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 21/5/2019 đến ngày 30/5/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **Vi Văn N1**, sinh năm 1990; Tên gọi khác: Không;

Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh B; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12 (Tại phiên tòa khai 9/12); Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không;

Bố đẻ: Vi Văn R, sinh năm 1966 (Tại phiên tòa bị cáo khai đã chết năm 2007);

Mẹ đẻ: Hoàng Thị É, sinh năm 1964;

Vợ: Hoàng Thị T3, sinh năm 1992;

Con: có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012;

Anh, chị em: Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 21/5/2019 đến ngày 30/5/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

5. Họ và tên: **Trần Văn P**, sinh năm 1990; Tên gọi khác: Không;
Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh B;
Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 10/12 (Tại phiên tòa khai 9/12);
Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Bố đẻ: Trần Văn B1, sinh năm 1972;

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1970;

Vợ: Nguyễn Thị Huyền N3, sinh năm 1991;

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015;

Anh, chị em: Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 21/5/2019 đến ngày 30/5/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án còn có 03 bị cáo, 01 người bị hại, 01 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Ngọc T, sinh năm 1981, trú quán: Phường P, thị xã N, huyện N, tỉnh K là tổ trưởng tổ rửa công ty trách nhiệm hữu hạn Wonjin Vina chuyên sản xuất linh kiện điện thoại ở khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Quá trình làm việc tại công ty, T phát hiện tại nơi làm việc của mình có nhiều phế liệu gồm: nhôm, đồng, Inox để sơ hở nên nảy sinh ý định trộm cắp đem bán.

Sau khi nảy sinh ý định, khoảng đầu tháng 5/2019, T rủ Nguyễn Tiến A, sinh năm 1991, trú quán: thôn N, xã M, huyện H, tỉnh B (A là công nhân làm việc tại Công ty nhưng đã nghỉ việc) cùng thực hiện việc trộm cắp phế liệu của công ty, A đồng ý. Sau đó, cả cùng hai thống nhất là A chịu trách nhiệm tìm người tiêu thụ, cắt Camera an ninh khi trộm cắp và liên hệ bảo vệ để cho xe vào vận chuyển tài sản trộm cắp, còn T sẽ thực hiện việc trộm cắp tài sản của Công ty. Sau khi bàn bạc thống nhất, A rủ Trịnh Văn N1, sinh năm 1987, trú quán: thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh B là người phụ trách bộ phận IT của Công ty, Bạch Văn H4, sinh năm 1987, trú quán: xóm C, xã H, huyện L, tỉnh B (là nhân viên Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp KTC Việt Nam, địa chỉ số 67 Phan Đăng Lưu, Yên Viên, Gia Lâm, TP.Hà Nội) được phân công làm bảo vệ tại Công ty Wonjin Vina và Phan Mạnh S, sinh năm 1995, trú quán: thôn T, xã X, huyện S, thành phố H làm nghề thu mua phế liệu ở gần khu vực Công ty tham gia trộm cắp cùng, trong đó S là người chịu trách nhiệm tiêu

thụ phế liệu trộm cắp được. Còn T rủ Vi Văn N1, sinh năm 1990, trú quán: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh B, Trần Văn P, sinh năm 1990, trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh B đều là công nhân lái xe nâng và Hoàng Minh H2, sinh năm 1990, trú tại: thôn H, xã Đ, huyện L là công nhân bộ phận rửa của công ty cùng tham gia trộm cắp.

Để việc trộm cắp không bị phát hiện, T thành lập nhóm Zalo kín lấy tên “AE dap” có 06 người tham gia, gồm: T, A, Trịnh Văn N1, Vi Văn N1, H2, P để thông báo thời gian và bàn bạc việc thực hiện trộm cắp tài sản. Sau đó, T phân công cho A, Trịnh Văn N1 thực hiện việc cắt Camera an ninh của Công ty, P, Vi Văn N1 sử dụng xe nâng vận chuyển phế liệu trộm cắp trong xưởng đến vị trí cân rồi đưa lên xe ô tô, H2 có nhiệm vụ canh giới và cân phế liệu chuyển cho T để làm căn cứ thanh toán với S, H4 có nhiệm vụ canh giới và mở cổng cho xe ô tô của S ra vào vận chuyển tài sản trộm cắp. Ngoài ra, T và A, Trịnh Văn N1, Vi Văn N1, Hoàng Minh H2, Trần Văn P còn thống nhất nếu trong nhóm có những người làm việc khác ca nên không trực tiếp tham gia trộm cắp nhưng vẫn được chia tiền do bán được tài sản trộm cắp của ngày hôm đó. Sau mỗi lần trộm cắp thì mọi người xóa toàn bộ tin nhắn trên Zalo nhằm tránh sự phát hiện. Để thực hiện việc tắt camera khi trộm cắp, Trịnh Văn N1 cài phần mềm mật khẩu quản lý Camera của Công ty lên máy tính xách tay của mình rồi đưa máy tính cùng mật khẩu phần mềm Camera cho A để khi N1 bận thì A thực hiện tắt camera.

Với thủ đoạn trên, T cùng với 07 bị can khác đã thực hiện 02 vụ trộm cắp phế liệu tại công ty Wonjin Vina vào các ngày 11/5/2019 và 14/5/2019, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 10/5/2019, T nhắn tin trên nhóm Zalo “AE dap” thống nhất với các thành viên trong nhóm là 04 giờ ngày 11/5/2019 sẽ thực hiện trộm cắp phế liệu tại Xưởng 1 của Công ty. Nhận được tin nhắn, khoảng 04 giờ ngày 11/5/2019, A đứng ngoài cổng công ty, sử dụng phần mềm được cài đặt trên máy tính xách tay của mình tắt Camera an ninh của Công ty rồi thông báo cho các thành viên của nhóm biết. Biết hệ thống Camera an ninh đã được tắt, T thông báo để P điều khiển xe nâng của Công ty vào nhà xưởng lấy 02 bao tải đựng phế liệu nhôm để ở vị trí góc xưởng đem ra khu vực nhà vệ sinh bên ngoài xưởng cân xác định khối lượng. Tại đây, H2 tiến hành cân được 700kg và chụp ảnh mã cân gửi qua nhóm Zalo cho T (Do không phải ca làm việc nên N1 không tham gia). Sau khi xác định được khối lượng, T thông báo cho A biết nên A nhắn tin báo để H4 mở cổng cho xe ô tô của S vào chở tài sản trộm cắp. Được A thông báo, S điều khiển xe ô tô hiệu Hyundai, biển kiểm soát 29C-107.53 đến gặp P để P sử dụng xe nâng di chuyển toàn bộ phế liệu nhôm vừa trộm cắp được lên xe ô tô. Sau đó S điều khiển xe ô tô chở phế liệu ra cạnh cổng công ty Vinasolar ở khu công nghiệp Vân Trung gặp T và A. Tại đây, S dùng tiền của mình đưa cho T số tiền 19.500.000 đồng rồi điều khiển xe ô tô chở tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ. Sau khi nhận được tiền, T giữ lại 7.000.000 đồng, chia cho A 8.000.000 đồng, Vi

Văn N1 1.200.000 đồng, P 1.500.000 đồng, Trịnh Văn N1 700.000 đồng, H4 500.000 đồng và H2 600.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 13/5/2019, T nhắn tin nhóm Zalo “AE dap” thống nhất với các thành viên trong nhóm là 04 giờ ngày 14/5/2019 sẽ thực hiện trộm cắp phế liệu tại Xưởng 1 của Công ty. Nhận được tin nhắn khoảng 04 giờ ngày 14/5/2019, A đến cổng Công ty, sử dụng phần mềm được cài trên máy tính xách tay tắt Camera an ninh của Công ty rồi thông báo cho các thành viên trong nhóm biết. Nhận được thông báo, T bảo Vi Văn N1 điều khiển xe nâng của Công ty vào Xưởng 1 lấy 02 bao tải đựng phế liệu nhôm để ở vị trí góc xưởng đem ra khu vực nhà vệ sinh bên ngoài xưởng để cân xác định khối lượng (Do không phải ca làm việc nên P không trực tiếp tham gia). Tại đây, H2 cân được 700kg rồi chụp ảnh mã cân gửi qua nhóm Zalo cho T. Sau khi xác định được khối lượng T thông báo cho A biết thì A thông báo để H4 mở cổng cho S điều khiển xe ô tô vào chở phế liệu trộm cắp được ra khỏi Công ty. Được A thông báo, S điều khiển xe ô tô hiệu Hyundai, biển kiểm soát 29C-107.53 gặp Vi Văn N1 thì N1 sử dụng xe nâng di chuyển toàn bộ phế liệu nhôm vừa trộm cắp được lên xe ô tô. Sau đó, S điều khiển xe ô tô chở phế liệu trộm cắp được ra khu vực cổng Công ty Vinasolar ở khu công nghiệp Vân Trung gặp T và A. Tại đây, S dùng tiền của mình trả cho T số tiền 17.000.000 đồng rồi điều khiển xe ô tô chở tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ. Nhận được tiền, T giữ lại 5.500.000 đồng, chia cho A 8.000.000 đồng, Vi Văn N1 1.200.000 đồng, P 800.000 đồng, Trịnh Văn N1 500.000 đồng, Bạch Văn H4 500.000 đồng và H2 500.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định được ngày 12/5/2019, Trịnh Văn N1, Nguyễn Tiến A, Phan Mạnh S còn thực hiện 01 vụ trộm cắp phế liệu khác tại xưởng 2 của công ty Wonjin vina, cụ thể:

Sáng ngày 12/5/2019, Trịnh Văn N1 gọi điện thông báo cho A biết tại Xưởng 2 của Công ty Wonjin vina có phế liệu nhưng không có người trông coi, có thể trộm cắp. Sau đó, A, Trịnh Văn N1 và S cùng nhau thống nhất thời gian thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là vào lúc 20 giờ cùng ngày. Khoảng 20 giờ ngày 12/5/2019, A sử dụng phần mềm được cài đặt trên máy tính xách tay do N1 đưa cho tắt Camera an ninh của Công ty. A khai: sau khi tắt hệ thống Camera đã gọi điện cho anh Nguyễn Văn H4, sinh năm 1993, trú quán: thôn Hâm, xã Đào Viên, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh (là bảo vệ Công ty) mở cổng cho xe ô tô của A vào trộm cắp phế liệu rồi cùng Trịnh Văn N1 và S đi xe ô tô hiệu Hyundai, biển kiểm soát 29C-107.53 vào cửa Xưởng 2. Tại đây, A và Trịnh Văn N1 cùng nhau khiêng 01 bao phế liệu đồng nặng 78kg lên xe. Trộm cắp được tài sản, S điều khiển xe ô tô chở phế liệu đồng trộm cắp được ra khu vực cổng khu Công nghiệp Đình Trám thì dừng lại cùng nhau tính toán giá trị tài sản trộm cắp được. Tại đây, S, A và Trịnh Văn N1 cùng nhau thống nhất giá trị số phế liệu trộm cắp được là 7.800.000 đồng. Sau đó, S giữ lại 1.000.000

đồng, đưa cho A 6.800.000 đồng rồi chở số tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ. Sau khi được S chia tiền A giữ lại 2.000.000 đồng, chia cho Trịnh Văn N1 1.800.000 đồng, Nguyễn Văn H4 1.000.000 đồng và đưa cho T 2.000.000 đồng nhưng không nói cho T biết đó là tiền do trộm cắp mà có.

Số tài sản của 03 vụ trộm cắp nêu trên, S đã bán lại cho người không quen biết trên địa bàn xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên được tổng số tiền 48.984.000 đồng, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 14/5/2019, ông Lee Cheol Seung là giám đốc hành chính nhân sự đại diện theo ủy quyền của công ty Wonjin vina trình báo Công an huyện Việt Yên về việc Công ty bị mất trộm phế liệu nhôm, đồng, Inox. Trong đó, ngày 11/5/2019 mất khoảng 01 tấn phế liệu đồng trị giá trên 100.000.000 đồng; Ngày 12/5/2019 mất 200kg nhôm, 100kg đồng, 250kg Inox với tổng trị giá 100.000.000 đồng; Ngày 14/5/2019 bị mất khoảng 400kg nhôm, 600kg Inox có tổng trị giá trên 100.000.000 đồng.

Trong các ngày 21/5/2019, 24/5/2019 và 28/5/2019, 24/6/2019 Bùi Ngọc T, Trịnh Văn N1, Vi Văn N1, Hoàng Minh H2, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tiến A, Bạch Văn Hận, Phan Mạnh S đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên. Khi tiếp nhận đầu thú, Cơ quan điều tra thu giữ của các bị các những đồ vật, tài sản gồm: T 01 điện thoại Sam sung GalaxyA6, Trịnh Văn N1 01 điện thoại Iphone 6Plus, Vi Văn N1 01 điện thoại Vivo, P 01 điện thoại Sam sung màu đen, H2 01 điện thoại Samsung J7, S 01 điện thoại di động Oppo và 01 cuốn sổ tay màu trắng ghi số lượng phế liệu trộm cắp của công ty Wonjin Vina, H4 01 điện thoại Oppo là các công cụ, phương tiện các bị can sử dụng trộm cắp tài sản.

Ngày 25/5/2019, ông Nguyễn Văn Hiền, sinh năm 1972 (bố bị can A) tự nguyện giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên 01 điện thoại di động Sam sung Galaxy Note5, 01 máy tính Laptop hiệu Lenovo màu đen của bị can A dùng trộm cắp tài sản. Ngày 26/6/2019, ông Phan Văn Tuyên, sinh năm 1975 (bố bị can S) tự nguyện giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên 01 xe ô tô Hyundai, biển kiểm soát 29C-107.53.

Ngày 27/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên định giá và kết luận phế liệu: Nhôm trị giá 30.000 đồng/01 kg, đồng trị giá 90.000 đồng/01kg, Inox trị giá 20.000đồng/01Kg.

Quá trình điều tra, Nguyễn Tiến A khai để thực hiện trộm cắp tài sản thì A có điện thoại cho Nguyễn Văn Thường, sinh năm 1987, trú tại thôn Việt Vân, xã Việt Thống, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh là đội trưởng đội bảo vệ và Nguyễn Văn H4 là nhân viên bảo vệ tại Công ty WonJin Vinna để những người này giúp sức cho A và các đồng phạm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty vào các ngày trên. Sau khi bán được tài sản trộm cắp trong ba ngày trên, A đã thông qua H4 chia cho mỗi

người 500.000 đồng/ngày nhưng Thường không thừa nhận. Cơ quan điều tra cho A và Thường đối chất nhưng Thường vẫn không thừa nhận. Đối với Nguyễn Văn H4 đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, không biết đi đâu nên chưa lấy được lời khai để đấu tranh làm rõ sự việc. Ngoài lời khai của A không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh Thường, Nguyễn Văn H4 tham gia trộm cắp và được chia tiền như A khai nên Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu này ra để tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Bùi Ngọc T khi được A đưa cho số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 12/5/2019 nhưng không biết về hành vi phạm tội của A và đồng phạm, không biết đây là tiền do phạm tội mà có nên không có hành vi đồng phạm với A và các đồng phạm khác về hành vi này.

Đối với việc công ty Wonjin vina trình báo về việc bị mất các loại phế liệu với số lượng trên nhưng Công ty không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc và số lượng tài sản bị mất nên không đủ căn cứ xác định Công ty bị mất số lượng phế liệu như trình báo.

Bản cáo trạng số: 21/CT-VKS ngày 18/02/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố các bị cáo Bùi Ngọc T, Trịnh Văn N1, Vi Văn N1, Trần Văn P, Hoàng Mạnh H2, Bạch Văn H4, Nguyễn Tiến A, Phan Mạnh S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS

Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2020/HS-ST ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Ngọc T, Phan Mạnh S, Hoàng Mạnh H2, Vi Văn N1, Trần Văn P, đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ số ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/5/2019 đến ngày 27/7/2019.

Xử phạt bị cáo Hoàng Minh H2 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ số ngày bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/5/2019 đến ngày 30/5/2019.

Xử phạt bị cáo Vi Văn N1 25 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ số ngày bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/5/2019 đến ngày 30/5/2019.

Xử phạt bị cáo Trần Văn P 25 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ số ngày bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/5/2019 đến ngày 30/5/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Mạnh S 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ số ngày bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/6/2019 đến ngày 27/6/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Ngoài ra bản án còn tuyên hình phạt với bị cáo khác, trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/7/2020, bị cáo Vi Văn N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 06/7/2020, bị cáo Phan Mạnh S kháng cáo, cùng ngày 07/7/2020, bị cáo Hoàng Minh H2 và Trần Văn P kháng cáo, ngày 13/7/2020, bị cáo Bùi Ngọc T kháng cáo. Các bị cáo S, H2, P, T đều kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt tù và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo Bùi Ngọc T, Phan Mạnh S, Hoàng Minh H2 và Trần Văn P rút toàn bộ kháng cáo.

Bị cáo Vi Văn N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do: Bị cáo gia đình khó khăn, con còn nhỏ, gia đình thuộc diện hộ nghèo, bị cáo trình độ học vấn thấp, phạm tội lần đầu.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà các bị cáo nêu ra đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 348 Bộ luật tố tụng Hình sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Bùi Ngọc T, Phan Mạnh S, Hoàng Minh H2 và Trần Văn P vì các bị cáo rút toàn bộ kháng cáo tại phiên toà. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vi Văn N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo Vi Văn N1 thuộc hộ cận nghèo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Vi Văn N1 không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo Vi Văn N1 nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Bùi Ngọc T, Phan Mạnh S, Hoàng Minh H2, Vi Văn N1, Trần Văn P đã được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo

đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Bùi Ngọc T, Phan Mạnh S, Hoàng Mạnh H2 và Trần Văn P xin rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của các bị cáo tại phiên toà phúc thẩm là tự nguyện không bị ép buộc, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng Hình sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Bùi Ngọc T, Phan Mạnh S, Hoàng Mạnh H2 và Trần Văn P.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Lợi dụng sơ hở của công ty trách nhiệm hữu hạn Wonjin vina ở khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang trong việc quản lý phế liệu trong sản xuất linh kiện điện thoại. Trong thời gian từ ngày 11/5/2019 đến 14/5/2019, Bùi Ngọc T, Trịnh Văn N1, Vi Văn N1, Trần Văn P, Hoàng Mạnh H2 đều làm công nhân trong công ty Wonjin vina đã câu kết với Bạch Văn H4 làm bảo vệ tại công ty và Nguyễn Tiến A, Phan Mạnh S để trộm cắp phế liệu là nhôm, đồng của công ty rồi bán cho S lấy tiền chia nhau, cụ thể:

Ngày 11/5/2019, Bùi Ngọc T, Trịnh Văn N1, Vi Văn N1, Trần Văn P, Hoàng Mạnh H2, Nguyễn Tiến A, Phan Mạnh S, Bạch Văn H4 cùng nhau trộm cắp 700 kg nhôm phế liệu trị giá 21.000.000 đồng ở xưởng số 1 công ty Wonjin vina rồi bán cho S được 19.500.000 đồng. Sau đó S bán cho người khác được: 22.050.000 đồng.

Ngày 12/5/2019, Trịnh Văn N1, Nguyễn Tiến A và Phan Mạnh S cùng nhau trộm cắp 78 kg đồng phế liệu trị giá 7.020.000 đồng ở xưởng số 2 công ty Wonjin vina rồi bán cho S được 6.800.000 đồng. Sau đó S bán cho người khác được 8.034.000 đồng

Ngày 14/5/2019, Bùi Ngọc T, Trịnh Văn N1, Vi Văn N1, Trần Văn P, Hoàng Mạnh H2, Nguyễn Tiến A, Phan Mạnh S, Bạch Văn H4 cùng nhau trộm cắp 600 kg nhôm phế liệu trị giá 18.000.000 đồng ở xưởng số 1 công ty Wonjin vina rồi bán cho S được 17.000.000 đồng. Sau đó S bán cho người khác được 18.900.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Tiến A, Phan Văn S, Trịnh Văn N1 tham gia 03 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản: 46.020.000 đồng. Các bị cáo Bùi Ngọc T, Trần Văn P, Hoàng Minh H2, Bạch Văn H4, Vi Văn N1 tham gia 02 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản 39.000.000 đồng.

Tại quá trình điều tra các bị cáo đã khai rõ có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ, thống nhất phương thức, thời gian trộm cắp tài sản và không có việc bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình. Do đó có đủ căn cứ để xác định Bùi Ngọc T, Trịnh Văn N1, Vi Văn N1, Trần Văn P, Hoàng Mạnh H2, Nguyễn Tiến A đã lập nhóm zalo riêng, có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ, tìm cách che giấu tội phạm khi trộm cắp và chuẩn bị từ trước việc vận chuyển tiêu thụ tài sản trộm cắp, thỏa thuận với nhau về việc nếu có bị

cáo nào không tham gia trộm cắp thì cũng được chia tiền, có sự giúp đỡ lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau cùng thực hiện tội phạm. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội rất tinh vi, thực hiện nhiều lần, do vậy các bị cáo đã có sự cấu kết chặt chẽ. Nên hành vi phạm tội của các bị cáo là phạm tội có tổ chức do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Như vậy hành vi của bị cáo Vi Văn N1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo N1 về tội “Trộm cắp tài sản”, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo thì thấy: Tại phiên tòa, bị cáo Vi Văn N1 chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nên các vấn đề khác của án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo Vi Văn N1 thì thấy: Án sơ thẩm xác định bị cáo Vi Văn N1 tham gia 02 vụ trộm cắp mỗi vụ đã đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đầu thú; bị cáo tự nguyện nộp lại tiền để bồi thường cho bị hại, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo Vi Văn N1 mức án 25 tháng tù, là tương xứng với hành vi phạm tội, không nặng đối với bị cáo.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được các tình tiết gì mới, do vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt được, cần giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Vi Văn N1 không được chấp nhận nhưng bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Bùi Ngọc T, Phan Mạnh S, Hoàng Mạnh H2 và Trần Văn P. Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2020/HS-ST ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vi Văn N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Vi Văn N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vi Văn N1 25 (Hai mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ số ngày bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/5/2019 đến ngày 30/5/2019.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: Miễn tiền án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Vi Văn N1

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Gia Lương